

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp/ Bachelor of Agricultural Economic
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Kinh tế Nông nghiệp/ Agricultural Economic
Mã ngành/Code:	7620115
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	1208/QĐ-BGDĐT ngày 13/04/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	Năm 2023
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (Khóa 66 Đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân Kinh tế nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội. Có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh; nắm vững kiến thức chuyên sâu về kinh tế nông nghiệp để ứng dụng vào phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Nghiên cứu phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và kinh doanh nông sản hàng hóa ở các cấp độ vi mô, vĩ mô trong các doanh nghiệp, tập đoàn và các cơ quan, bộ ngành khác nhau trong nền kinh tế quốc dân. Tham gia giải quyết những thách thức trong việc đảm bảo an ninh lương thực, phát triển kinh tế xã hội, phát triển bền vững trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự bổ sung kiến thức, hoàn thiện chuyên môn.

- Mục tiêu cụ thể:

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị kinh doanh; có kiến thức tổng quan về kinh tế và kinh doanh nông nghiệp
PO3	Có kiến thức chuyên sâu về kinh tế nông nghiệp, môi trường kinh tế để vận dụng và vận hành điều hành hoạt động kinh tế thành công. Có chính kiến và nhận thức về kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập sâu rộng, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh...
PO4	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề về nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng các kế hoạch trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn bền vững.
PO5	Có sức khỏe và có đủ năng lực nhận thức hành vi cá nhân, Có tinh thần và nhận thức tốt về ngành Kinh tế nông nghiệp.
PO6	Có ý thức cao trong phát triển kinh tế nông nghiệp và kinh tế xã hội. Có kỹ năng lãnh đạo, giải quyết vấn đề, giao tiếp & làm việc nhóm.
PO7	Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có năng lực tự bổ sung kiến thức, hoàn thiện chuyên môn.

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp.
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau.
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Có kiến thức để phân tích được các khía cạnh hoạt động của nền kinh tế cũng như quá trình phát triển lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.
PLO 1.5	Am hiểu về môi trường kinh tế xã hội, từ đó có những định hướng chiến lược vận dụng, điều chỉnh, thích ứng để quản lý vận hành mô hình kinh tế thành công;
PLO1.6	Hiểu được tổng quan về kinh tế và kinh doanh nông nghiệp, mô hình kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập toàn cầu.
PLO1.7	Xây dựng chiến lược và kế hoạch phù hợp với mô hình kinh tế quốc dân và nguồn lực sẵn có. Ổn định phát triển bền vững kinh tế trong ngắn và dài hạn.
PLO1.8	Vận dụng các kiến thức về xây dựng khung phân tích, đánh giá và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế.
PLO1.9	Vận dụng các lý thuyết và lựa chọn mô hình kinh tế được trang bị vào việc phân tích, đánh giá và giải thích các vấn đề thực tiễn về kinh tế nông nghiệp. Lựa chọn phương án tối ưu để quản lý các vấn đề phát triển về kinh tế nông nghiệp.
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của trường
PLO2.1	Kết hợp (mức 4) các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet....để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD

ke

	ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng)
PLO2.2	Thành thạo (mức 4) tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế. (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Trang bị khả năng sử dụng công cụ cơ bản trong phân tích kinh tế và kinh doanh, sử dụng được các phần mềm hiện đại chuyên dùng trong phân tích kinh tế và kinh doanh nông nghiệp hỗ trợ cho công việc phân tích kinh tế.
PLO2.4	Có kỹ năng thực hiện nghiên cứu, kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát để giải quyết các vấn đề trong kinh tế nông nghiệp.
PLO2.5	Trang bị khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1.1	x		x				
PLO1.2	x	x					
PLO1.3	x			x			
PLO1.4		x	x				
PLO1.5		x	x	x			
PLO1.6			x	x			
PLO1.7			x	x			
PLO1.8			x	x			
PLO1.9			x	x			
PLO2.1	x						
PLO2.2	x	x					
PLO2.3	x	x					

PLO2.4			X	X			
PLO2.5						X	X
PLO3.1					X	X	X
PLO3.2				X	X		
PLO3.3			X			X	X
PL0 3.4						X	X

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Kinh tế nông nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị sau đây: 1/ Các cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương. 2/ Các tổ chức về các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nông nghiệp, nông thôn, nông dân các cấp từ Trung ương đến địa phương. 3/ Các tập đoàn kinh tế, quốc phòng, các doanh nghiệp và các tổ chức kinh doanh nông nghiệp trong nước và quốc tế. 4/ Các cơ quan nghiên cứu và các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu. 5/ Các tổ chức xã hội, các tổ chức phi chính phủ trong nước, quốc tế và trong các tổ chức khác có liên quan đến kinh tế, xã hội, nông nghiệp, nông thôn, nông dân....6/ Có khả năng thích ứng chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn và năng lực cá nhân.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Trang bị khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao chuyên môn: Trình độ sau đại học ở các chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn, Kinh tế học; Quản lý, Quản trị kinh doanh; Quản trị ngân hàng; Chính sách công... Trở thành giảng viên hoặc cán bộ nghiên cứu...

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Hoàn thành "Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên" và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		47		
	1.1. Các học phần chung		14		
1	1 Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2 Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3 Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III- VI	
5	5 Tư tưởng Hồ Chí Minh / Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=> VII	
6	6 Pháp luật đại cương /Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
	Giáo dục thể chất/ Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
1.2. Các học phần chung của Trường				21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 / Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 / Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh/ Data Science in Economics and Business	TOKT1138	3	IV-V	
11	5	Ngoại ngữ / Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực				12		
12 13 14 15	1	Kinh tế nông nghiệp 1 Agricultural Economics 1	TNKT1109	3	II	KHMI1101
	2	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	KHMI1101
	3	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
	4	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12		
16 17 18 19	1	Kinh doanh nông nghiệp I Business Agricultural I	TNKT1153	3	III	TNKT1109
	2	Thương mại điện tử căn bản Fundamentals Electronic Commerce	TMQT1132	3	III	
	3	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics in Economics and Business	TKKD1129	3	II	
	4	Công nghệ nông nghiệp I Agricultural Technology I	TNKT1145	3	III	KHMI1101
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Kinh tế nông nghiệp 2 Agricultural Economics 2	TNKT1110	3	V	TNKT1109
21	2	Quản trị Kinh doanh nông nghiệp 1 Agricultural Business Management 1	TNKT1117	3	IV	TNKT1153
22	3	Đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn Investment in Agricultural and Rural Development	TNKT1114	3	VI	TNKT1109
23	4	Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn Analysis of ruraland Agricultural Policy	TNKT1116	3	VII	TNKT1114
24	5	Quy hoạch phát triển nông thôn Rural Development Planning	TNKT1127	3	VI	TNKT1109
25	6	Kinh tế nông thôn Rural Economics	TNKT1111	3	V	TNKT1109
26	7	Tổ chức và phân tích ngành hàng nông sản Agricultural supply chain organization and	TNKT1143	3	VI	TNKT1117

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		analysis				
27	8	Giám sát và đánh giá chương trình, dự án phát triển nông nghiệp nông thôn Monitoring & Evaluation on Agricultural and Rural Development Projects	TNKT1126	3	VII	TNKT1114
28	9	Thị trường nông sản thế giới World Agricultural Markets	TNKT1128	3	VI	TNKT1109
29	10	Chuyên đề thực tế (Project)	TNKT1163	4	IV-V-VI	TNKT1109
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)				30		
30 31 32 33 34 35 36 37 38 39	1	Quản trị Kinh doanh nông nghiệp 2 Agricultural Business Management 2	TNKT1141	3	VI	TNKT1117
	2	Công nghệ nông nghiệp II Agricultural Technology II	TNKT1146	3	V	TNKT1145
	3	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	IV	
	4	Pháp luật kinh tế Economic Law	LUKD1185	3	IV	
	5	Kinh tế tài nguyên Economics of Natural Resources	TNTN1145	3	IV	
	6	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
	7	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV	
	8	Thị trường bất động sản Real Estate Market	TNBD1109	3	V	
	9	Kinh tế lâm nghiệp Forestry Economics	TNKT1155	3	VI	TNKT1110
	10	Kinh tế thương mại Trade Economics	TMKT1137	3	IV	
	11	Kinh tế nguồn nhân lực Human Resource Management	NLKT1117	3	V	
	12	Kinh tế thủy sản Aquacultural Economics	TNKT1139	3	VI	TNKT1109
	13	Quản trị kinh tế hộ và trang trại Household Economics and Farm Management	TNKT1159	3	VI	TNKT1109
	14	Kinh tế và quản lý phát triển cộng đồng Community Development Economics and Management	TNKT1140	3	VI	TNKT1109
	15	Quản lý nhà nước về đất đai Land Administration	TNDC1142	3	VI	
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp (Graduation Thesis)		TNKT1161	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.

- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Lý thuyết kết hợp thảo luận

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.

- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra nhanh; Viết luận/tóm tắt...

- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Viết báo cáo; Thực địa/thực hành; Dự án; Thuyết trình; Bài tập tình huống; Vấn đáp...

- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.

- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).

- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.

- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

- CTĐT Đại học Nebraska - Lincoln - Hoa Kỳ (University of Nebraska - Lincoln Department of Agricultural Economics)

- CTĐT Đại học Sydney - Australia (Faculty of Australia Agriculture, Food and Natural Resources - The University Sydney - Australia)

- CTĐT Kinh tế nông nghiệp - Học viện nông nghiệp Việt Nam, Đại học Cần Thơ...

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:
 - Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc khối ngành/lĩnh vực Nông lâm thủy sản), phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
 - Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành ngành Kinh tế Nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy
- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:
 - Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc ngành Kinh tế Nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng
 - Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) ngành Kinh tế Nông nghiệp, phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.
- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi

tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.

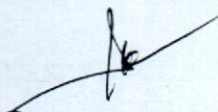
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.

- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.

- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

TRƯỜNG KHOA



PGS.TS Ngô Thị Phương Thảo

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương